

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 313/2023/HSST
Ngày: 24/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tám ;

Ông Nguyễn Ngọc Dũng .

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 329/2023/TLST- HS, ngày 28/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2023/QĐXXST-HS ngày 10/8/2023 đối với các bị cáo:

1. **Lê Bá T**; Sinh ngày: 05/12/1994, tại Thanh Hóa; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông: Lê Bá K (Đã chết) và bà Bùi Thị T1; Vợ: Phạm Thị Diệu L, có 02 con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2023. Tiền án: không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Đánh bạc”. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/4/2023. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. **Bùi Huy A**, sinh ngày 25/9/1994, tại Thanh Hóa. Nơi thường trú Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Số nhà B, thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Bùi Văn H và bà Hoàng Thị N; Vợ: Nguyễn Thị T2, có 01 con sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/4/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Phạm Hữu K1**, sinh ngày 16/01/2003, tại Thanh Hóa; Nơi thường trú: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Giới tính: Nam; Con ông Phạm Hữu M và bà Trần Thị P; Vợ: Nguyễn Thị Thu T3; Có 01 con sinh năm 2023; Tiền án: không; Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/4/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị P1, sinh năm 1993 (Vắng mặt)
Trú tại: Số nhà 25 Hàm Nghi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa
2. Chị Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Trú tại A T, phường L, thành phố T
3. Chị Trần Thị L1, sinh năm 1980 (Vắng mặt)
Trú tại B H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
4. Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1974 (Vắng mặt)
Trú tại 3 L, phường Đ, thành phố T
5. Chị Bùi Thị L2, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Trú tại B V, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
6. Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1976 (Vắng mặt)
Trú tại 0 T, phường T, thành phố T
7. Chị Nguyễn Thu H2, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Trú tại F T, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
8. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1967 (Vắng mặt)
Trú tại 0 T, phường T, thành phố T
9. Chị Hoàng Ngọc Á, sinh năm 1999 (Vắng mặt)
Trú tại 2 T, phường N, thành phố T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mục đích vụ lợi và không có việc làm ổn định, nên từ tháng 06 năm 2022 đến tháng 11/2022, Lê Bá T và Bùi Huy A cùng góp vốn rồi thuê Phạm Hữu K1 tự liên hệ tìm khách trên địa bàn thành phố T, để cùng thực hiện hành vi cho vay tiền dưới hình thức “vay thăm” với lãi suất 8.750 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 319,38%/1 năm (gấp 15,97 lần lãi suất tối đa quy định tại Bộ luật dân sự). Tùy theo nhu cầu, điều kiện, khách hàng liên hệ trực tiếp với Phạm Hữu K1 vay tiền, sau khi kiểm tra thông tin về người vay như: Tên, tuổi, địa chỉ, điều kiện gia đình, số lượng tiền va...Phạm Hữu K1 sẽ thông báo lại với Lê Bá T hoặc Bùi Huy A để thống nhất làm thủ tục cho khách vay và thỏa thuận thu gốc và lãi đều trong 32 ngày. Hàng ngày Phạm Hữu K1 đi thu tiền của các khách vay và chuyển lại cho Lê Bá T hoặc Bùi Huy A. Mỗi tháng Lê Bá T và Bùi Huy A sẽ trả lương cho Phạm Hữu K1 từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng không cố định, cụ thể như sau:

1. Cho chị Trần Thị P1 sinh năm 1993, T6 tại: Số nhà B H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay vào khoảng tháng 6 năm 2022 cụ thể: Chị P1 vay số tiền 10.000.000 đồng trả góp cả gốc và lãi chia đều mỗi ngày 400.000 đồng trong 32 ngày, tương đương với lãi suất 319,38%/1 năm (gấp 15,97 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Khi đưa tiền cho chị P1 vay, Phạm Hữu K1 cắt trước 500.000 đồng tiền đi thu và 800.000 đồng tiền trả gốc lãi 02 ngày đầu tiên. Chị Trần Thị P1 nhận về số tiền 8.700.000 đồng. Tính ra số tiền chị P1 phải trả là 12.800.000 đồng. Chị P1 trả gốc và lãi được 25 ngày thì đảo lại vay gói mới với số tiền 15.000.000 đồng, trả gốc lãi mỗi ngày 600.000 đồng chia đều trong 32 ngày là 19.200.000 đồng. Khi cho vay K1 cắt trước 500.000 đồng tiền đi thu và số tiền chị P1 còn nợ của gói trước 2.800.000 đồng, chị P1 nhận về 11.700.000 đồng. Chị P1 đã trả hết cả gốc lãi 02 gói vay trên.

Tổng số tiền chị Trần Thị P1 vay 02 lần là 25.000.000 đồng, số tiền thực tế các bị cáo bỏ ra để cho chị P1 vay là 15.000.000 đồng, tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu của chị P1 là 7.000.000 đồng, trong đó tiền lãi được thu theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 226.000 đồng, xác định số tiền các bị cáo đã thu lời bất chính là 6.774.000 đồng.

2. Cho chị Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1990, trú tại A T, phường L, thành phố T:

Tháng 12/2022, chị H1 vay 15.000.000 đồng trả góp cả gốc lãi mỗi ngày 600.000 đồng chia đều trong 32 ngày, tương đương với lãi suất 319,38%/1 năm (gấp 15,97 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Khi vay, Phạm Hữu K1 cắt trước 1.200.000 đồng tiền trả gốc + lãi 02 ngày đầu tiên. Chị H1 nhận về số tiền 13.800.000 đồng. Chị Phạm Thị Thu H1 phải trả là 19.200.000 đồng. Tính đến hết ngày 19/12/2022, chị H1 đã trả được 7.800.000 đồng cả gốc và lãi (13 ngày) còn nợ lại số tiền 11.400.000 đồng (trong đó có 8.906.000 đồng tiền gốc).

Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện và ngăn chặn ngày 19/12/2022, số tiền lãi các bị cáo đã thu là 1.706.000 đồng, trong đó tiền lãi được thu 20%/năm là 87.000 đồng, xác định số tiền các bị cáo đã thu lời bất chính số tiền là 1.620.000 đồng.

3. Cho chị Trần Thị L1, sinh năm 1980, trú tại B H, phường Đ, thành phố T vay:

Tháng 8/2022, chị Trần Thị L1 vay 5.000.000 đồng trả góp cả gốc lãi mỗi ngày 200.000 đồng, chia đều trong 32 ngày. Khi cho vay Phạm Hữu K1 cắt trước 500.000 đồng tiền đi thu và 600.000 đồng tiền trả gốc + lãi 03 ngày đầu tiên. Chị Trần Thị L1 nhận về số tiền 3.900.000 đồng. Chị L1 phải trả là 6.400.000 đồng. Chị L1 đã trả hết cả gốc + lãi gói vay trên.

Số tiền lãi các bị cáo đã thu là 1.400.000 đồng, trong đó tiền lãi được thu theo quy định 20%/năm là 45.000 đồng, xác định số tiền các bị cáo đã thu lời bất chính số tiền là 1.355.000 đồng.

4. Cho chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1974, trú tại 3 L, phường Đ, thành phố T vay: Tháng 9/2022, chị Nguyễn Thị T4 vay 10.000.000 đồng trả góp cả gốc + lãi mỗi ngày 400.000 đồng, chia đều trong 32 ngày, tương đương với lãi suất 319,38%/1 năm (gấp 15,97 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Khi cho vay Phạm Hữu K1 cắt trước 1.200.000 đồng tiền đi thu và 1.200.000 đồng tiền trả gốc lãi 03 ngày đầu tiên. Chị Nguyễn Thị T4 nhận về số tiền 7.600.000 đồng. Chị T4 phải trả là 12.800.000 đồng. Chị T4 trả gốc lãi được 20 ngày thì đảo lại vay gói mới với số tiền 15.000.000 đồng, trả gốc lãi mỗi ngày 600.000 đồng, chia đều trong 32 ngày là 19.200.000 đồng. Khi vay Phạm Hữu K1 cắt trước 2.000.000 đồng tiền đi thu, 1.800.000 đồng gốc + lãi 03 ngày đầu và tiền còn nợ của gói trước là 4.800.000 đồng. Chị T4 nhận về 6.400.000 đồng. Chị T4 đã trả được 7 ngày là 4.200.000 đồng. Sau đó, do không có khả năng thanh toán và hết thời hạn vay theo thỏa thuận nên chị T4 xin trả dần số tiền gốc và lãi còn nợ là 15.000.000 đồng và trả thêm cho Bùi Huy A số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ lại 12.000.000 đồng (trong đó có 9.375.000 đồng tiền gốc).

Tổng số tiền chị Nguyễn Thị T4 vay 02 lần là 25.000.000 đồng, số tiền thực tế các bị cáo bỏ ra để cho chị T4 vay là 15.000.000 đồng. Tính đến ngày 19/12/2022 đã hết thời hạn vay theo thỏa thuận nên tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu 4.375.000 đồng, trong đó tiền lãi được thu theo quy định 20%/năm là 226.000 đồng. Xác định số tiền lãi các bị cáo đã thu lợi bất chính là 4.149.000 đồng.

5. Cho chị Bùi Thị L2, sinh năm 1978. Trú tại B V, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay cụ thể:

Tháng 10/2022, chị Bùi Thị L2 vay số tiền 5.000.000 đồng trả góp cả gốc lãi mỗi ngày 200.000 đồng, chia đều trong 32 ngày, tương đương với lãi suất 319,38%/1 năm (gấp 15,97 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Khi cho vay, Phạm Hữu K1 cắt trước 500.000 đồng tiền đi thu và 600.000 đồng tiền gốc + lãi 03 ngày đầu tiên. Chị Bùi Thị L2 nhận về số tiền 3.900.000 đồng. Chị L2 phải trả là 6.400.000 đồng. Chị L2 trả được 18 ngày với số tiền 3.600.000 đồng thì đảo vay gói mới với số tiền 10.000.000 đồng trả góp đều gốc và lãi trong 32 ngày mỗi ngày 400.000 đồng. Khi cho vay Phạm Hữu K1 cắt trước số tiền 1.200.000 đồng tiền đi thu, 1.200.000 đồng tiền gốc + lãi 03 ngày đầu và 2.800.000 đồng tiền nợ lại của gói vay trước, chị L2 nhận về 4.800.000 đồng. Tính đến hết ngày 19/12/2022, chị L2 đã trả được 17 ngày là 6.800.000 đồng, còn nợ lại số tiền 6.000.000 đồng (trong đó có 4.688.000 đồng tiền gốc).

Tổng số tiền chị L2 vay 02 lần là 15.000.000 đồng, số tiền thực tế Phạm Hữu K1 bỏ ra để cho chị L2 vay là 10.000.000 đồng. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện và ngăn chặn ngày 19/12/2022, số tiền lãi các bị cáo đã thu là 2.888.000 đồng, trong đó tiền lãi được thu 20%/năm là 115.000 đồng, xác định số tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền là 2.773.000 đồng.

6. Cho chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1976. Trú tại 0 T, phường T, thành phố T vay cụ thể:

Tháng 9/2022, chị Nguyễn Thị T5 vay 10.000.000 đồng trả góp cả gốc lãi mỗi ngày 400.000 đồng, chia đều trong 32 ngày, tương đương với lãi suất

319,38%/1 năm (gấp 15,97 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Khi cho vay, Phạm Hữu K1 cắt trước 1.200.000 đồng tiền đi thu và 1.200.000 đồng tiền gốc + lãi 03 ngày đầu tiên. Chị Thu n về số tiền 7.600.000 đồng. Chị T5 phải trả là 12.800.000 đồng. Chị T5 trả được 20 ngày thì đảo vay gói mới với số tiền 10.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi trong 32 ngày mỗi ngày 400.000 đồng. Khi cho vay, Phạm Hữu K1 cắt trước số tiền 2.000.000 đồng tiền đi thu, 1.200.000 đồng tiền gốc + lãi 03 ngày đầu và 4.800.000 đồng tiền nợ lại của gói vay trước. Chị Thu n về 2.000.000 đồng. Chị T5 trả được 17 ngày là 6.800.000 đồng và đảo lại vay gói mới vẫn số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất và cách thức thanh toán như trên. Khi cho vay, Phạm Hữu K1 cắt trước 800.000 đồng tiền đi thu, 1.200.000 đồng tiền gốc + lãi 3 ngày đầu và 6.000.000 đồng tiền nợ của gói trước, chị Thu n về 2.000.000 đồng. Gói vay này đã hết thời gian thỏa thuận vay nhưng chị T5 trả được 17 ngày là 6.800.000 đồng còn nợ lại 6.000.000 đồng và xin trả dần. Đến ngày 19/12/2022 chị T5 trả thêm cho K1 được 500.000 đồng và còn nợ lại số tiền 5.500.000 đồng (trong đó 4.297.000 đồng tiền gốc).

Tổng số tiền chị Nguyễn Thị T5 vay 03 lần là 30.000.000 đồng, số tiền thực tế các bị cáo bỏ ra để cho chị T5 vay là 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 19/12/2022 đã hết thời hạn vay theo thỏa thuận nên tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu 7.197.000 đồng, trong đó tiền lãi được thu theo quy định 20%/năm là 316.000 đồng. Xác định số tiền lãi thực tế các bị cáo đã thu lời bất chính là 6.881.000 đồng.

7. Cho chị Nguyễn Thu H2 sinh năm 1978. Trú tại F T, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay cụ thể :

Khoảng tháng 9/2022, chị Nguyễn Thu H2 vay số tiền 10.000.000 đồng trả góp đều cả gốc lãi mỗi ngày 400.000 đồng trong 32 ngày, tương đương với lãi suất 319,38%/1 năm (gấp 15,97 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Khi cho vay, K1 cắt trước 800.000 đồng tiền đi thu và 1.200.000 đồng tiền trả gốc + lãi 03 ngày đầu tiên. Chị H2 nhận về số tiền 8.000.000 đồng. Chị H2 phải trả là 12.800.000 đồng. Chị H2 trả được 20 ngày là 6.800.000 đồng thì đảo vay gói mới với số tiền 10.000.000 đồng trả góp gốc và lãi trong 32 ngày mỗi ngày 400.000 đồng. Khi cho vay, Phạm Hữu K1 cắt trước số tiền 800.000 đồng tiền đi thu, 1.200.000 đồng tiền gốc + lãi 03 ngày đầu và 4.800.000 đồng tiền nợ lại của gói vay trước. Chị H2 nhận về 3.200.000 đồng. Gói vay này chị H2 đã trả được 25 ngày là 10.000.000 đồng, còn nợ lại 2.800.000 đồng thì đảo vay gói mới với số tiền 10.000.000 đồng trả góp gốc và lãi trong 32 ngày mỗi ngày 400.000 đồng. Khi cho vay, Phạm Hữu K1 cắt trước số tiền 800.000 đồng tiền đi thu, 1.200.000 đồng tiền gốc + lãi 03 ngày đầu và 2.800.000 đồng tiền nợ lại của gói vay trước, chị H2 nhận về 5.200.000 đồng. Tính đến ngày 19/12/2022, chị H2 đã trả được 4 ngày là 1.600.000 đồng, còn nợ lại 11.200.000 đồng (trong đó có 8.750.000 đồng tiền gốc).

Tổng số tiền chị H2 vay 03 lần là 30.000.000 đồng, số tiền thực tế các bị cáo bỏ ra để cho chị H2 vay là 10.000.000 đồng. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện và ngăn chặn ngày 19/12/2022, số tiền lãi các bị cáo đã thu là 5.950.000

đồng, trong đó tiền lãi được thu 20%/năm là 202.000 đồng, xác định số tiền các bị cáo đã thu lời bất chính số tiền là 5.748.000 đồng.

8. Cho chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1967. Trú tại 0 T, phường T, thành phố T vay cụ thể:

Khoảng tháng 9/2022, chị Nguyễn Thị H3 vay 10.000.000 đồng trả đều gốc và lãi chia đều trong 32 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, thành 12.800.000 đồng, tương đương với lãi suất 319,38%/1 năm (gấp 15,97 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Khi cho chị H3 vay, Phạm Hữu K1 cắt trước tiền gốc + lãi 3 ngày đầu là 1.200.000 đồng và số tiền đi thu là 1.200.000 đồng, chị H3 nhận về số tiền 7.600.000 đồng. Chị H3 trả gốc + lãi được 21 ngày thì đảo lại vay gói mới vẫn với số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất và cách thức thanh toán tương tự gói trước. Khi cho vay, Phạm Hữu K1 cắt trước tiền gốc + lãi 3 ngày đầu là 1.200.000 đồng, tiền đi thu là 1.200.000 đồng và trừ đi số tiền nợ của gói trước là 5.200.000 đồng, chị H3 nhận về số tiền 2.400.000 đồng. Gói vay này tính đến hết ngày 19/12/2022 đã hết thời gian thỏa thuận, chị H3 mới trả được 25 ngày là 10.000.000 đồng, do không có khả năng thanh toán nên còn nợ lại số tiền 2.800.000 đồng (trong đó có 2.188.000 đồng tiền gốc).

Tổng số tiền chị H3 vay 02 lần là 20.000.000 đồng, số tiền thực tế các bị cáo bỏ ra để cho chị H3 vay là 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 19/12/2022 đã hết thời hạn vay theo thỏa thuận, số tiền lãi các bị cáo đã thu 5.419.000 đồng, trong đó tiền lãi được thu theo quy định 20%/năm là 181.000 đồng, xác định số tiền lãi thực tế các bị cáo đã thu lời bất chính là 4.807.000 đồng

9. Cho chị Hoàng Ngọc Á sinh năm 1999. Trú tại 2 T, phường N, thành phố T vay cụ thể :

Ngày 30/8/2022, chị Hoàng Thị Á1 vay 10.000.000 đồng trả đều gốc và lãi trong 32 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, trả thành 12.800.000 đồng tương đương với lãi suất 319,38%/1 năm (gấp 15,97 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Khi cho vay, Phạm Hữu K1 cắt trước tiền gốc + lãi 3 ngày đầu là 1.200.000 đồng và cắt số tiền đi thu là 1.200.000 đồng, chị Á1 nhận về số tiền 7.600.000 đồng. Đến ngày 9/9/2022, chị Á1 vay thêm gói mới với số tiền vay 5.000.000 đồng trả đều gốc và lãi trong 32 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, số tiền phải trả thành 6.400.000 đồng. Khi cho vay, Phạm Hữu K1 cắt trước tiền gốc + lãi 3 ngày đầu là 600.000 đồng và cắt số tiền đi thu là 500.000 đồng, chị Á1 nhận về số tiền 3.900.000 đồng. Đến ngày 17/9/2022, chị Á1 đảo lại gói vay ngày 30/8/2022 để vay số tiền 10.000.000 đồng vẫn trả đều gốc và lãi trong 32 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, trả thành 12.800.000 đồng. Khi vay, Phạm Hữu K1 cắt trước tiền gốc + lãi 3 ngày đầu là 1.200.000 đồng và cắt số tiền đi thu là 2.000.000 đồng, và trừ đi số tiền còn nợ lại của gói trước là 5.400.000 đồng, chị Á1 nhận về số tiền 1.600.000 đồng. Sau đó chị Á1 trả hết gốc và lãi các gói vay trên. Đến ngày 3/11/2022, chị Á1 vay số tiền 15.000.000 đồng trả đều gốc và lãi trong 32 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng, phải trả thành 19.200.000 đồng. Khi cho vay, K1 thu trước tiền gốc + lãi 3 ngày đầu là 1.800.000 đồng và cắt số tiền đi thu là 1.500.000 đồng, chị Á1 nhận về số tiền 11.700.000 đồng. Tính đến hết ngày 19/12/2022 đã

hết thời gian vay theo thỏa thuận nhưng chị Á1 mới trả được số tiền là 12.600.000 đồng còn nợ lại số tiền 6.600.000 đồng (trong đó có 5.156.000 đồng tiền gốc)

Tổng số tiền chị Hoàng Thị Á1 vay 04 lần là 40.000.000 đồng, số tiền thực tế các bị cáo bỏ ra để cho chị Á1 vay là 30.000.000 đồng. Tính đến ngày 19/12/2022 đã hết thời hạn vay theo thỏa thuận nên số tiền lãi các bị cáo đã thu là 10.838.000 đồng, trong đó tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự 20%/năm là 362.000 đồng, xác định số tiền lãi thực tế các bị cáo đã thu lời bất chính là 9.395.000 đồng.

* Tổng số tiền các bị cáo cho các khách vay theo thỏa thuận là 205.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc thực tế các bị cáo sử dụng là 120.000.000 đồng, tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện và ngăn chặn, các bị cáo đã thu số tiền lãi là 45.260.000 đồng. Trong đó tiền lãi được thu theo quy định 20%/năm là 1.760.000 đồng, số tiền đã thu lời bất chính là: 43.500.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình tham gia thực hiện cho các khách vay tiền, Phạm Hữu K1 còn tự thu của khách vay tổng số tiền là 20.400.000 đồng. Cơ quan điều tra xác định đây là tiền mà K1 tự cất trước khi làm thủ tục cho khách vay để thu lời và hưởng lợi riêng, không báo cho bị cáo Lê Huy T7 và Bùi Huy A biết.

Quá trình điều tra cơ quan công an đã thu giữ vật chứng:

- Thu giữ 01 điện thoại Iphone X màu đen, có số imei 359406084421805 lắp sim số 0917.478.368 của Phạm Hữu K1 là điện thoại K1 sử dụng liên hệ để làm thủ tục, đi thu tiền của khách vay và các bị cáo khác.

- Đối với điện thoại của Lê Bá T, Bùi Huy A sử dụng gọi điện nhắc nợ và liên lạc với Phạm Hữu K1, các bị cáo trình bày đã bị hỏng không sử dụng và vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Chị Nguyễn Thị T5, Nguyễn Thị T4, Bùi Thị L2, Nguyễn Thu H2, Phạm Thị Thu H1, Hoàng Ngọc Á đề nghị các bị cáo trả lại tiền thu lời bất chính đã thu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Chị Trần Thị L1, Trần Thị P1 không có yêu cầu, đề nghị gì về phần bồi thường dân sự;

Tại bản cáo trạng số 274/CTr-VKS ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá truy tố các bị cáo Lê Bá T, Bùi Huy A, Phạm Hữu K1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo; Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân người phạm tội.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt: Bị cáo Lê Bá T mức án từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo

không giam giữ và đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền ở mức 50.000.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt: Bị cáo Bùi Huy A mức án tù 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ và đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo ở mức 50.000.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt: Bị cáo Phạm Hữu K1 50.000.000 đồng triệu đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

Do các bị cáo Lê Bá T, Bùi Huy A không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên miễn việc khấu trừ thu nhập của Lê Bá T và Bùi Huy A.

Đối với bị cáo Phạm Hữu K1, đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về các biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

Đối với số tiền gốc 120.000.000 đồng là số tiền thực tế mà các bị cáo đã sử dụng cho những khách vay đây là tiền các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

Trong số tiền 120.000.000 đồng tiền gốc các bị cáo đã sử dụng cho những khách vay, hiện nay các bị cáo mới nhận được số tiền 76.648.000 đồng. Số tiền gốc mà người vay chưa trả hết cho các bị cáo là 43.352.000 đồng, cụ thể: Chị Phạm Thị Thu H1 8.906.000 đồng; Chị Nguyễn Thị T4 9.375.000 đồng; Chị Bùi Thị L2 4.680.000 đồng; Chị Nguyễn Thị T5 4.297.000 đồng; Chị Nguyễn Thu H2 8.750.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H3 2.188.000 đồng; Chị Hoàng Ngọc Á 5.156.000 đồng;

Do số tiền gốc cho vay là của Lê Bá T và Bùi Hữu K2, số tiền lãi thu lợi từ những người vay thì các bị cáo T và Huy A được hưởng và ăn chia bằng nhau, bị cáo Phạm Hữu K1 không được hưởng trong tiền lãi bất chính nên buộc các bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A phải chịu chung tiền truy thu khoản tiền gốc, tiền lãi 20% theo BLDS, tiền hưởng lợi của các khách vay không yêu cầu bồi thường và tiền trả lại cho các khách vay khoản tiền lãi thu lời bất chính cụ thể mỗi bị cáo phải chịu 1/2 số tiền.

Do vậy cần truy thu ở bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A số tiền gốc những người vay đã trả cho các bị cáo là 76.648.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước. Cụ thể truy thu ở Lê Bá T số tiền 38.324.000 đồng, truy thu ở Bùi Huy A số tiền 38.324.000 đồng.

Truy thu ở những người vay số tiền gốc chưa trả cho các bị cáo gồm chị Phạm Thị Thu H1 8.906.000 đồng; chị Nguyễn Thị T4 9.375.000 đồng; chị Bùi Thị L2 4.680.000 đồng; chị Nguyễn Thị T5 4.297.000 đồng; chị Nguyễn Thu H2

8.750.000 đồng; chị Nguyễn Thị H3 2.188.000 đồng; chị Hoàng Ngọc Á 5.156.000 đồng; để sung nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 1.760.000 đồng là tiền lãi thu được tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu đối với các bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A để sung ngân sách Nhà nước. Cụ thể truy thu ở Lê Bá T số tiền 880.000 đồng, truy thu ở Bùi Huy A số tiền 880.000 đồng.

Đối với số tiền các bị cáo thu của người vay gồm Phạm Thị Thu H1 1.320.000 đồng; Nguyễn Thị T4 4.150.000 đồng; Bùi Thị L2 2.775.000 đồng; Nguyễn Thị T5 6.880.000 đồng; Nguyễn Thu H2 5.750.000 đồng; Nguyễn Thu H4 4.988.000 đồng; Hoàng Ngọc Á 9.395.000 đồng. Đây là khoản tiền các bị cáo thu lờn bất chính của những người vay, số tiền này cáo bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A được hưởng nên cần buộc các bị cáo Bùi Huy A và Lê Bá T phải liên đới hoàn trả lại số tiền trên cho những người vay cụ thể theo phần Lê Bá T 17.685.500 đồng, Bùi Huy A 17.685.500 đồng.

Truy thu của các bị cáo Bùi Huy A và Lê Bá T số tiền thu lợi bất chính từ 02 khách vay là chị Trần Thị P1 và chị Trần Thị L1 số tiền là 8.129.000 đồng (6.774.000đ + 1.355.000), do những người này không yêu cầu các bị cáo phải trả lại tiền đã thu lợi bất chính, nhưng đây là tiền do phạm tội mà có nên phải truy thu để sung nộp ngân sách Nhà nước cụ thể Lê Bá T số tiền 4.064.500 đồng, Bùi Huy A số tiền 4.064.500 đồng.

Đối với số tiền Phạm Hữu K1 thu của người vay, đây là tiền thu bất hợp pháp, số tiền này Phạm Hữu K1 sử dụng một mình, các bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A không được biết và không được hưởng, do vậy cần buộc Phạm Hữu K1 phải hoàn trả lại số tiền này cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: cụ thể

Trả cho chị Nguyễn Thị T4 số tiền: 3.200.000 đồng;

Trả cho chị Bùi Thị L2 số tiền: 1.700.000 đồng;

Trả cho chị Nguyễn Thu H2 số tiền: 2.400.000 đồng;

Trả cho chị Nguyễn Thị H3 số tiền: 2.400.000 đồng;

Trả cho chị Hoàng Ngọc Á số tiền: 5.200.000 đồng;

Trả cho chị Nguyễn Thị T5 số tiền: 4.000.000 đồng;

Hiện nay Phạm Hữu K1 đã tự nguyện nộp số tiền là 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên được nhận số tiền trên tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền Phạm Hữu K1 thu của chị Trần Thị P1 số tiền: 1.000.000 đồng và chị Trần Thị L1 số tiền: 500.000 đồng; Chị Trần Thị L1 và chị Trần Thị P1 không yêu cầu bị cáo K1 phải hoàn trả lại nhưng đây là tiền do phạm tội mà có nên phải truy thu từ Phạm Hữu K1 để sung nộp ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lương mà bị cáo Phạm Hữu K1 nhận được từ các bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A, đây là tiền do phạm tội mà có nên cần phải truy thu để sung quỹ Nhà nước, thời gian bị cáo Phạm Hữu K1 làm thuê cho Bùi Huy A và Lê Bá T từ tháng 06 năm 2022 đến ngày 19 tháng 11 năm 2022 là 5 tháng, trong đó K1 đã nhận được 02 tháng x 4.000.000 đồng/01 tháng, do đó cần truy thu của Phạm Hữu K1 số tiền 8.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phần tranh luận không có ý kiến gì. LỜI SAU CÙNG, CÁC BỊ CÁO XIN ĐƯỢC HƯỞNG MỨC ÁN THẤP NHẤT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Từ khoảng giữa năm 2022, các bị cáo Lê Bá T, Bùi Huy A, Phạm Hữu K1 đã bắt đầu thực hiện cho vay tiền lãi suất cao. Các bị cáo đã thực hiện nhiều lần hành vi cho nhiều người vay lãi với mức lãi suất 8.750 đồng/1.000.000đ/ngày (tương đương với mức lãi suất 319,38%/năm), vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong bộ luật dân sự (20%) 15,97 lần. Số tiền các bị cáo đã thu lời bất chính tổng là 45.260.000 đồng. Trong đó tiền lãi được thu theo quy định 20%/năm là 1.760.000 đồng, số tiền đã thu lời bất chính vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự là 43.500.000 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của Lê Bá T, Bùi Huy A, Phạm Hữu K1 đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Do vậy Công an thành phố T khởi tố các bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Trong vụ án các bị cáo phạm tội đồng phạm với tính chất giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất, mức độ khác nhau, tuy nhiên cũng cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để phân hóa vai trò và trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Hội đồng xét xử cần đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, trên cơ sở đó cụ thể hoá mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp. Trong vụ án này bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A cùng bàn bạc và góp tiền chung để cho vay lãi nặng, số tiền thu lợi các bị cáo cùng hưởng nên giữ vai trò ngang nhau. Bị cáo Phạm Hữu K1 là người trực tiếp liên hệ với khách vay, giao tiền và thu tiền trực tiếp với khách vay sau đó chuyển cho Lê Bá T và Bùi Huy A. Phạm Hữu K1 được trả tiền công 4.000.000 đồng/tháng, bị cáo K1 không được hưởng lợi từ số tiền thu lời cho các khách vay nên Phạm Hữu K1 có vai trò giúp sức và chịu trách nhiệm hình sự sau Lê BáThắng, Bùi Huy A.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ, do đó cần có mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4.1]. Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2]. Tình Tiết giảm nhẹ: Bị cáo Lê Bá T thành khẩn khai báo, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Bùi Huy A thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được áp dụng tiết giảm nhẹ theo điểm s,i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Phạm Hữu K1 có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tự nguyện nộp tiền thu bất hợp pháp để khắc phục cho những người liên quan, trong thời gian tại ngoại tại địa phương bị cáo tích cực ủng hộ quỹ vì người nghèo, trẻ khuyết tật được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s,i,b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Lê Bá T, Bùi Huy A không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú ổn định. Xét thấy xử phạt các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo các cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giáo dục, quản lý cũng đủ điều kiện cải tạo các bị cáo.

Do các bị cáo Lê Bá T, Bùi Huy A không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên miễn việc khấu trừ thu nhập của Lê Bá T và Bùi Huy A.

Đối với bị cáo Phạm Hữu K1 có vai trò thứ yếu, Phạm Hữu K1 được Lê Bá T và Bùi Huy A thuê và trả tiền công 4.000.000 đồng/tháng, Bị cáo K1 không được hưởng lợi từ số tiền thu lời trong số lãi cho các khách vay, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1,2 điều 51 BLHS nên cần áp dụng khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi cho vay lãi nặng của các bị cáo Lê Bá T, Bùi Huy A trong một thời gian 05 tháng với nhiều người vay khác nhau, số tiền lãi thu từ người vay các bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A hưởng, bị cáo Phạm Hữu K1 không được hưởng số tiền này, do vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A.

Đối với bị cáo Phạm Hữu K1, hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Các biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc 120.000.000 đồng là số tiền thực tế mà các bị cáo đã sử dụng cho những khách vay đây là tiền các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

Trong số tiền 120.000.000 đồng tiền gốc các bị cáo đã sử dụng cho những khách vay, hiện nay các bị cáo mới nhận được số tiền 76.648.000 đồng. Số tiền gốc mà người vay chưa trả hết cho các bị cáo là 43.352.000 đồng, cụ thể: Chị Phạm Thị Thu H1 8.906.000 đồng; Chị Nguyễn Thị T4 9.375.000 đồng; Chị Bùi Thị L2 4.680.000 đồng; Chị Nguyễn Thị T5 4.297.000 đồng; Chị Nguyễn Thu H2 8.750.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H3 2.188.000 đồng; Chị Hoàng Ngọc Á 5.156.000 đồng;

Do số tiền gốc cho vay là của Lê Bá T và Bùi Hữu K2, số tiền lãi thu lợi từ những người vay thì các bị cáo T và Huy A được hưởng và ăn chia bằng nhau, bị cáo Phạm Hữu K1 không được hưởng trong tiền lãi bất chính nên buộc các bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A phải chịu chung tiền truy thu khoản tiền gốc, tiền lãi 20% theo BLDS, tiền hưởng lợi của các khách vay không yêu cầu bồi thường và tiền trả lại cho các khách vay khoản tiền lãi thu lời bất chính cụ thể mỗi bị cáo phải chịu 1/2 số tiền.

Do vậy cần truy thu ở bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A số tiền gốc 76.648.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước. Cụ thể truy thu ở Lê Bá T số tiền 38.324.000 đồng, truy thu ở Bùi Huy A số tiền 38.324.000 đồng.

Truy thu ở những người vay số tiền gốc chưa trả cho các bị cáo gồm chị Phạm Thị Thu H1 8.906.000 đồng; chị Nguyễn Thị T4 9.375.000 đồng; chị Bùi Thị L2 4.680.000 đồng; chị Nguyễn Thị T5 4.297.000 đồng; chị Nguyễn Thu H2 8.750.000 đồng; chị Nguyễn Thị H3 2.188.000 đồng; chị Hoàng Ngọc Á 5.156.000 đồng; để sung nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 1.760.000 đồng là tiền lãi thu được tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu đối với các bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A để sung ngân sách Nhà nước. Cụ thể truy thu ở Lê Bá T số tiền 880.000 đồng, truy thu ở Bùi Huy A số tiền 880.000 đồng.

Đối với số tiền các bị cáo thu của người vay gồm Phạm Thị Thu H1 1.320.000 đồng; Nguyễn Thị T4 4.150.000 đồng; Bùi Thị L2 2.775.000 đồng; Nguyễn Thị T5 6.880.000 đồng; Nguyễn Thu H2 5.750.000 đồng; Nguyễn Thu H4 4.988.000 đồng; Hoàng Ngọc Á 9.395.000 đồng. Đây là khoản tiền các bị cáo

thu lợi bất chính của những người vay, số tiền này cáo bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A được hưởng nên cần buộc các bị cáo Bùi Huy A và Lê Bá T phải liên đới hoàn trả lại số tiền trên cho những người vay cụ thể theo phần Lê Bá T 17.685.500 đồng, Bùi Huy A 17.685.500 đồng.

Truy thu của Huy A và T số tiền thu lợi bất chính từ 02 khách vay là chị Trần Thị P1 và chị Trần Thị L1 số tiền là 8.129.000 đồng (6.774.000đ + 1.355.000), do những người này không yêu cầu các bị cáo phải trả lại tiền đã thu lợi bất chính, nhưng đây là tiền do phạm tội mà có nên phải truy thu để sung nộp ngân sách Nhà nước;

Đối với số tiền Phạm Hữu K1 thu của người vay, đây là tiền thu bất hợp pháp, số tiền này Phạm Hữu K1 sử dụng một mình, các bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A không được biết và không được hưởng, do vậy cần buộc Phạm Hữu K1 phải hoàn trả lại số tiền này cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: cụ thể

Trả cho chị Nguyễn Thị T4 số tiền: 3.200.000 đồng;

Trả cho chị Bùi Thị L2 số tiền: 1.700.000 đồng;

Trả cho chị Nguyễn Thu H2 số tiền: 2.400.000 đồng;

Trả cho chị Nguyễn Thị H3 số tiền: 2.400.000 đồng;

Trả cho chị Hoàng Ngọc Á số tiền: 5.200.000 đồng;

Trả cho chị Nguyễn Thị T5 số tiền: 4.000.000 đồng;

Hiện nay Phạm Hữu K1 đã tự nguyện nộp số tiền là 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên được nhận số tiền trên tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền Phạm Hữu K1 thu của chị Trần Thị P1 số tiền: 1.000.000 đồng và chị Trần Thị L1 số tiền: 500.000 đồng; Chị Trần Thị L1 và chị Trần Thị P1 không yêu cầu bị cáo K1 phải hoàn trả lại nhưng đây là tiền do phạm tội mà có nên phải truy thu từ Phạm Hữu K1 để sung nộp ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lương mà bị cáo Phạm Hữu K1 nhận được từ các bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A, đây là tiền do phạm tội mà có nên cần phải truy thu để sung quỹ Nhà nước, thời gian bị cáo Phạm Hữu K1 làm thuê cho Bùi Huy A và Lê Bá T từ tháng 06 năm 2022 đến ngày 19 tháng 11 năm 2022 là 5 tháng, trong đó K1 đã nhận được 02 tháng x 4.000.000 đồng/01 tháng, do đó cần truy thu của Phạm Hữu K1 số tiền 8.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại Iphone X màu đen, có số imei 359406084421805 lắp sim số 0917.478.368 của Phạm Hữu K1 là điện thoại K1 sử dụng liên hệ để làm thủ tục, đi thu tiền của khách vay và các bị cáo khác. Nên cần tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự (Đối với Lê Bá T)

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự (Đối với Bùi Huy A)

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự (Đối với Phạm Hữu K1)

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Bá T, Bùi Huy A, Phạm Hữu K1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Xử phạt:

1. Bị cáo Lê Bá T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nhận được bản án và quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Bị cáo Bùi Huy A 17 (Mười bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nhận được bản án và quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Lê Bá T, Bùi Huy A cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ nếu các bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A không có việc làm thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 5 ngày trong một tuần.

3. Bị cáo Phạm Hữu K1 số tiền 50 triệu đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

* **Về hình phạt bổ sung:** Phạt bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A mỗi bị cáo 50.000.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

* **Về các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 47, Điều 48; Điều 106 của Bộ luật Hình sự:

- Truy thu từ các bị cáo Lê Bá T, Bùi Huy A số tiền gốc cho vay lãi cao là 76.648.000 đồng và số tiền lãi 1.760,000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Cụ thể Lê Bá T số tiền 39.204.000 đồng; Bùi Huy A số tiền 39.204.000 đồng.

- Truy thu từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để tịch thu sung nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay nhưng chưa thanh toán cho các bị cáo, cụ thể: Chị Phạm Thị Thu H1 8.906.000 đồng; Chị Nguyễn Thị T4 9.375.000 đồng; Chị Bùi Thị L2 4.680.000 đồng; Chị Nguyễn Thị T5 4.297.000 đồng; Chị

Nguyễn Thu H2 8.750.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H3 2.188.000 đồng; Chị Hoàng Ngọc Á 5.156.000 đồng

- Buộc các bị cáo Lê Bá T và Bùi Huy A phải trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: phải trả lại cho Phạm Thị Thu H1 1.319.000 đồng; Nguyễn Thị T4 4.149.000 đồng; Bùi Thị L2 2.773.000 đồng; Nguyễn Thị T5 6.880.000 đồng; Nguyễn Thu H2 5.748.000 đồng; Nguyễn Thị H3 4.807.000 đồng; Hoàng Ngọc Á 9.395.000 đồng. theo phân Lê Bá T 17.685.500 đồng, Bùi Huy A 17.685.500 đồng.

- Truy thu của các bị cáo Bùi Huy A và Lê Bá T số tiền thu lợi bất chính từ 02 khách vay là chị Trần Thị P1 và chị Trần Thị L1 số tiền là 8.129.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước, cụ thể theo phân: Lê Bá T số tiền 4.064.500 đồng; Bùi Huy A số tiền 4.064.500 đồng.

- Buộc Phạm Hữu K1 phải trả lại số tiền thu bất hợp pháp cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: cụ thể:

Trả cho chị Nguyễn Thị T4 số tiền: 3.200.000 đồng;

Trả cho chị Bùi Thị L2 số tiền: 1.700.000 đồng;

Trả cho chị Nguyễn Thu H2 số tiền: 2.400.000 đồng;

Trả cho chị Nguyễn Thị H3 số tiền: 2.400.000 đồng;

Trả cho chị Hoàng Ngọc Á số tiền: 5.200.000 đồng;

Trả cho chị Nguyễn Thị T5 số tiền: 4.000.000 đồng;

Nhưng được trừ vào số tiền Phạm Hữu K1 đã nộp số tiền 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000903 ngày 21/8/2023. Do vậy những người này được nhận tiền tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

- Truy thu từ bị cáo Phạm Hữu K1 số tiền thu của chị Trần Thị P1 và chị Trần Thị L1 là 1.500.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

- Truy thu từ bị cáo Phạm Hữu K1 số tiền công 8.000.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

* **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu 01 điện thoại Iphone X màu đen, có số imei 359406084421805 lắp sim số 0917.478.368 của Phạm Hữu K1 để sung nộp ngân sách nhà nước. Hiện vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Theo biên bản giao nhận vật chứng số 223/2023/THA ngày 08/8/202 giữa Công an thành phố T và Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa.

* **Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* **Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án/.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nguyệt